TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH SƠN** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 24/5/2019
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Bùi Viết Tiến.
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Ông Nguyễn Minh Sơn;
2/ Ông Bùi Tấn Sinh.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Lên – Là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên Tòa: Ông Phạm Thanh Tứ – Kiểm sát viên.

Ngày 24/5/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2018/TLST-HNGĐ, ngày 07/12/2018 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/4/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2019/QĐST-HNGĐ ngày ngày 07/5/2019 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1973 (có mặt);
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Đ, xã B, huyện B, tỉnh Q.
Nơi cư trú hiện nay: thôn X, xã D, huyện D, tỉnh Q.
* *Bị đơn:* anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1973, (vắng mặt);
Nơi cư trú: thôn Đ, xã B, huyện B, tỉnh Q

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn Th tự tìm hiểu yêu thương nhau, được hai bên gia đình đồng ý tổ chức lo lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Q vào ngày 25/4/1994. Sau ngày cưới vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Th thường xuyên nhậu say xỉn về là đánh vợ con, bạo lực tình dục. Do mâu thuẫn xảy ra trầm trọng nên vào năm 1997 chị M có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Th nhưng được Tòa án động viên hòa giải nên chị M rút đơn khởi kiện vợ chồng về đoàn tụ sống chung nhưng sau khi rút đơn về anh Th vẫn không thay đổi được tính tình vẫn thường xuyên uống rượu say xỉn về đánh chị M,

vợ chồng không có tiếng nói chung. Do sống chung không được nên chị M đã sống ly với anh Th hơn nữa năm nay, chị về sống tại nhà cha mẹ đẻ của chị tại thôn X, xã D, huyện D, tỉnh Q, còn anh Th sống tại thôn Đ, xã B, huyện B, tỉnh Q.

Nay chị M xét thấy tình của của vợ chồng không còn, mâu thuẫn xảy ra trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Th để giải phóng cho đôi bên.

Về con chung: Trong thời gian sống chung, vợ chồng chị M và anh Th sinh được 02 người con, gồm: Nguyễn Minh T – Sinh ngày 02 tháng 8 năm 1994 và Nguyễn Văn Minh T – Sinh ngày 20 tháng 4 năm 2000, hai con hiện nay đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết, để vợ chồng chị tự thỏa thuận giải quyết với nhau.

Nợ chung: vợ chồng chị M và anh Th không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn Th, Tòa án đã tiến hành tống đạt đầy đủ các thủ tục tố tụng nhưng anh cố tình không trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn.

* Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B về nội dung vụ án như sau:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như sau:

Về thẩm quyền thụ lý: thụ lý đúng thẩm quyền.

Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí còn chậm theo quy định tại khoản 1 Điều 195 BLTTDS 2015

Các thủ tục khác thực hiện theo quy định của BLTTDS 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

+ Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn: nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Việc chấp hành pháp luật của bị đơn: bị đơn không chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (Vắng mặt cả hai phiên tòa).

* Ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Căn cứ vào các Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39, 147, 189, 203, 220, 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị M, chấp nhận cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn với Nguyễn Văn Th.

- Về án phí dân sự: áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên Tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* chị Nguyễn Thị M khởi kiện tranh chấp *"Ly hôn"* với anh Nguyễn Văn Th cư trú tại thôn Đ, xã B, huyện B, tỉnh Q, căn cứ vào các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Q thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Tòa án đã thu thập đầy đủ chứng cứ và tiến hành tống đạt và niêm yết các thủ thủ tố tụng đầy đủ cho anh Nguyễn Văn Th theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và anh Nguyễn Văn Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nên Hội đồng xét xử có cơ sở xét xử vắng mặt anh Th phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về hôn nhân:*

[2.1] Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Q vào ngày 22/4/1994 (Bút lục 02). Vì vậy, hôn nhân giữa chị M và anh Th là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Trong thời gian chung sống, do anh Th không lo làm ăn, chăm lo gia đình mà thường xuyên uống rượu say xỉn về đánh vợ con, đã nhiều lần chị M và gia đình khuyên bảo, có lần chị M gửi đơn khởi kiện đến Tòa án xin ly hôn anh Th nhưng được Tòa án động viên hòa giải chị M rút đơn khởi kiện vợ chồng về đoàn tụ sống chung. Tuy nhiên, sau đó anh Th vẫn không thay đổi được tính tình. Do sống chung với nhau không được chị M đã bỏ về phía cha mẹ đẻ của chị tại thôn X, xã D, huyện D, tỉnh Q sống hơn nữa năm nay, còn anh Th sống tại thôn Đ, xã B, huyện B, tỉnh Q. Mâu thuẫn của vợ chồng chị M và anh Th cũng đã được phản ảnh qua biên bản làm việc với ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Q (Bút lục 39), biên bản lấy lời khai của người làm chứng anh Nguyễn Văn Nh và anh Nguyễn Văn D (Bút lục 37, 38). Như vậy, có đủ căn cứ xác định vợ chồng chị M và anh Th xảy ra mâu thuẫn là có thật.

[2.3] Xét thấy, tình cảm của chị M và anh Th không còn, mâu thuẫn xảy ra trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị M xin ly hôn anh Th là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều

56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị M xin ly hôn anh Th.

[3] *Về con chung:* hai người con của chị M và anh Th là Nguyễn Minh T – Sinh ngày 02 tháng 8 năm 1994 và Nguyễn Văn Minh T – Sinh ngày 20 tháng 4 năm 2000 hiện nay đều đã trưởng thành, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] *Về tài sản chung:* chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết, để vợ chồng chị tự thỏa thuận giải quyết với nhau nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Về nợ chung:* vợ chồng chị M và anh Th không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị Mân phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát huyện B, tỉnh Q là phù hợp với nhận định ở trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 235 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, quản lý và sử dụng án phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Nguyễn Văn Th.

Về con chung: hai người con của chị M và anh Th là Nguyễn Minh T – Sinh ngày 02 tháng 8 năm 1994 và Nguyễn Văn Minh T – Sinh ngày 20 tháng 4 năm 2000 hiện nay đều đã trưởng thành, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết, để chị M và anh Th tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: chị M và anh Th không nợ ai và cũng không ai nợ anh chị nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án dân sự sơ thẩm: chị Nguyễn Thị M phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng chị M đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002497 ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Q nên được khấu trừ xong.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 24 tháng 5 năm 2019), bị đơn anh Nguyễn Văn Th vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND t.Q;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã B*;*
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Viết Tiến